ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2536 /2015/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 09 tháng 11 năm 2015*

SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG
ĐẾN Số: 3245
Ngày: 10/11/2015
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28/12/1989; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Báo chí ngày 12/6/1999; Luật Xuất bản ngày 20/11/2012; Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006; Luật Tần số Vô tuyến điện ngày 23/11/2009; Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; Luật Bưu chính ngày 17/6/2010; Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; Luật giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BTTTT-BCA ngày 28/11/2008 của liên Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 40/TTr-STTTT ngày 26/10/2015 và Báo cáo thẩm định số 39/BCTĐ-STP ngày 15/10/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 942/2008/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TTTU; TTHĐND TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH HP, Báo HP, Báo ANHP;
- Cổng TTĐT, Công báo TP;
- CV: TH, NC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2536 /2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng, bao gồm: báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyển phát; viễn thông và internet; truyền dẫn phát sóng; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin, điện tử; phát thanh và truyền hình; cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông; quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Cục Hải quan Hải Phòng, Sở Công Thương, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố, các cơ quan báo chí thành phố, Cổng Thông tin điện tử thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp phải bảo đảm kịp thời, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình phối hợp, mỗi đơn vị tham gia phối hợp thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định và không làm ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị khác.

3. Xử lý các vụ việc được thực hiện theo nguyên tắc vụ việc thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị nào thì cơ quan, đơn vị đó chủ trì xử lý, các cơ quan, đơn vị khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp khi có yêu cầu và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình xử lý các vụ việc, các bên có trách nhiệm đảm bảo bí mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Việc cung cấp thông tin giữa các cơ quan, đơn vị liên quan được thực hiện bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị; trường hợp khẩn cấp có thể trao đổi bằng điện thoại, thư điện tử, nhắn tin và các hình thức khác theo quy định của pháp luật nhưng ngay sau đó phải có văn bản giấy có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp, đối với văn bản điện tử thì việc xác nhận là chữ ký điện tử.

2. Thành lập các đoàn thanh tra liên ngành tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thông tin và truyền thông.

3. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ chuyên ngành cho những người tham gia công tác phối hợp.

4. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, hội thảo chuyên ngành giới thiệu công nghệ mới và giải pháp nhằm giảm thiểu tội phạm và vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

3. Cung cấp, trao đổi, báo cáo thông tin khi tiếp nhận, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

4. Thanh tra, kiểm tra, điều tra, xác minh và xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật.

5. Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố các cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

6. Các nội dung phối hợp khác có liên quan đến việc thực hiện Quy chế này.

Chương II
TRÁCH NHIỆM XỬ LÝ, CUNG CẤP THÔNG TIN KHI TIẾP NHẬN, PHÁT HIỆN HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Điều 6. Trách nhiệm xử lý, cung cấp thông tin khi tiếp nhận, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc báo ngay cho Sở Thông tin và Truyền thông, Công an thành phố, cơ quan có thẩm quyền khác khi tiếp nhận hoặc phát hiện các hành vi sau:

1. Vi phạm các quy định tại Điều 10 Luật Báo chí ngày 28/12/1989; Điều 10 Luật Xuất bản ngày 20/11/2012; Điều 7 Luật Bưu chính ngày 17/6/2010; Điều 12 Luật Viễn thông ngày 23/11/2009; Điều 12 Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006; Điều 9 Luật giao dịch điện tử ngày 29/11/2005; Điều 9 Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009; Điều 5 Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

2. Quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012;

3. Vi phạm các quy định của pháp luật khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 7. Nội dung thông tin về hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

Nội dung thông tin cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, bao gồm:

1. Tên tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật; họ, tên, tuổi của người hoặc các nhận biết khác của người có hành vi vi phạm pháp luật;

2. Số người có hành vi vi phạm pháp luật;

3. Đối tượng tác động của hành vi vi phạm pháp luật;

4. Động cơ, mục đích của người có hành vi vi phạm pháp luật;

5. Số lần hành vi vi phạm pháp luật diễn ra;

6. Địa điểm nơi hành vi vi phạm pháp luật diễn ra;

7. Thời gian diễn ra hành vi vi phạm pháp luật;

8. Phương tiện, công cụ mà người có hành vi vi phạm pháp luật sử dụng;

9. Cách thức người có hành vi vi phạm pháp luật thực hiện;

10. Hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật;

11. Các thông tin khác có liên quan.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA PHỐI HỢP

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; chương trình, kế hoạch tổ chức triển khai

văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố.

2. Tăng cường chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn thành phố tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;.

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành trong lĩnh vực thông tin và truyền thông khi cần thiết; kịp thời chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra và xử lý đối tượng vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền ngay sau khi Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết định. Khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì lập và chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra theo quy định của pháp luật.

4. Là cơ quan thường trực tiếp nhận các thông tin về hành vi vi phạm pháp luật, cung cấp thông tin cho các cơ quan có liên quan để kịp thời tham gia, phối hợp xử lý.

5. Tiếp nhận quyết định trưng cầu giám định, làm thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập Hội đồng giám định trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

6. Chủ trì, phối hợp với Công an thành phố và các cơ quan liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố thực hiện phòng ngừa nghiệp vụ và hạn chế điều kiện phát sinh tội phạm và vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức tập huấn về nghiệp vụ, công nghệ mới phục vụ công tác thanh tra, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm.

8. Đề xuất khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Quy chế này.

Điều 9. Trách nhiệm của Công an thành phố

1. Chủ trì tổ chức công tác nắm tình hình, điều tra, xác minh và bắt giữ đối tượng có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật;

2. Trực tiếp tiếp nhận các thông tin về hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông để chủ động xử lý theo thẩm quyền. Vụ việc cần có sự phối hợp thì kịp thời thông báo và trao đổi thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết.

3. Sau khi kết thúc điều tra các vụ việc vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, Công an thành phố thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị tham gia phối hợp biết.

4. Phối hợp tổ chức lực lượng giám sát đối tượng trong quá trình Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra hành chính, không để đối tượng xóa dấu vết, tẩu tán phương tiện, thiết bị; tang vật vi phạm.

5. Thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, phục vụ cho công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật với các cơ quan có liên quan.

6. Chỉ đạo Công an các quận, huyện; công an các xã, phường, thị trấn chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 10. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố

1. Chủ trì tổ chức điều tra, xác minh các đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới biển, đảo, cửa khẩu cảng trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật. Vụ việc cần có sự phối hợp thì kịp thời thông báo và cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan để phối hợp.

2. Sau khi kết thúc điều tra, xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc phạm vi thẩm quyền, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị tham gia phối hợp biết.

3. Phối hợp tổ chức lực lượng giám sát đối tượng hoạt động ở khu vực biên giới biển, đảo, cửa khẩu cảng trên địa bàn thành phố thuộc phạm vi quản lý của Bộ đội Biên phòng thành phố trong quá trình Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra hành chính, không để đối tượng xóa dấu vết, tẩu tán phương tiện, thiết bị, tang vật sử dụng để vi phạm.

Điều 11. Trách nhiệm của Cục Hải quan thành phố.

1. Chủ trì công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý hàng lậu, hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu qua mạng bưu chính, chuyển phát, thương mại điện tử; kiểm tra, kiểm soát, xử lý các vi phạm trong việc xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật.

2. Kịp thời tổ chức kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm khi nhận được thông báo và đề nghị của các đơn vị tham gia phối hợp.

3. Khi phát hiện vi phạm trong việc xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa qua mạng bưu chính, chuyển phát, thương mại điện tử, các sản phẩm hàng hóa thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông, Cục Hải quan Hải Phòng thông báo, đề nghị phối hợp (nếu cần) với Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Công an

thành phố nếu vụ việc có dấu hiệu tội phạm và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì việc kiểm tra, kiểm soát, xử lý hàng lậu, hàng cấm vận chuyển qua mạng bưu chính, chuyển phát, thương mại điện tử; kiểm tra, kiểm soát, xử lý các vi phạm trong buôn bán, vận chuyển các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Kịp thời tổ chức kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm khi nhận được thông báo và đề nghị của các đơn vị tham gia phối hợp.

3. Khi phát hiện vi phạm trong việc buôn bán, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa qua mạng bưu chính, chuyển phát, thương mại điện tử, các sản phẩm hàng hóa thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông, Sở Công thương có trách nhiệm thông báo, đề nghị phối hợp (nếu cần) với Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Công an thành phố nếu vụ việc có dấu hiệu tội phạm và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Ngoại vụ

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan cung cấp thông tin đối ngoại của thành phố cho báo chí trong và ngoài nước; hướng dẫn nội dung thông tin đối ngoại cho cơ quan báo chí thành phố; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thông tin đối ngoại nhằm nâng cao ý thức cảnh giác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Kịp thời tổ chức kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm khi nhận được thông báo và đề nghị của các đơn vị tham gia phối hợp.

3. Khi phát hiện vi phạm trong hoạt động thông tin đối ngoại thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông, Sở Ngoại vụ có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Công an thành phố nếu vụ việc có dấu hiệu tội phạm và phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin các quận, huyện tham gia phối hợp với các cơ quan chức năng của quận, huyện tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn theo chức năng, thẩm quyền.

2. Kịp thời tổ chức kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm khi nhận được thông báo và đề nghị của các đơn vị tham gia phối hợp.

3. Khi phát hiện vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Công an thành phố nếu vụ việc có dấu hiệu tội phạm và phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, các cơ quan báo chí và Cổng Thông tin điện tử thành phố

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức các hoạt động tuyên truyền và phổ biến pháp luật về phòng, chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Đăng tải những thông tin về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông nhằm giáo dục và nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mọi tầng lớp nhân dân trong công tác phòng, chống và ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. Tuyên truyền biểu dương những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

1. Tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và chỉ đạo Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn kiểm tra nhằm phát hiện và xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc địa bàn quản lý.

3. Hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng liên quan trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tại địa bàn.

Điều 17. Trách nhiệm của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, chủ động thực hiện các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ để phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và vi phạm pháp luật khác.

2. Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật kịp thời báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan cho Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan quản lý có thẩm quyền để ngăn chặn và xử lý.

3. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ làm giảm thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra; cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, tạo điều kiện cho cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, điều tra, xác minh đối tượng và xử lý vi phạm.

4. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông để kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu, thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật phát hiện, thông báo cho các cơ quan chức năng về hành vi vi phạm pháp luật.

5. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, pháp luật cho cán bộ, công nhân viên để nắm vững và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật, quy định về quy trình nghiệp vụ, nâng cao ý thức cảnh giác phòng, chống tội phạm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Công tác sơ kết, tổng kết và báo cáo

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực giúp Uỷ ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan định kỳ tổ chức sơ kết mỗi năm một lần và tổng kết 03 năm một lần để đánh giá, đề xuất, kiến nghị, khen thưởng về công tác phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Thời gian tổ chức sơ kết, tổng kết từ ngày 15 tháng 01 đến ngày 15 tháng 3 của năm tiếp theo năm sơ kết, tổng kết.

2. Các cơ quan, đơn vị tham gia phối hợp có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng một lần về tình hình phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông cho Uỷ ban nhân dân thành phố qua Sở Thông tin và Truyền thông.

a) Thời hạn các cơ quan, đơn vị tham gia phối hợp gửi báo cáo 6 tháng đầu năm trước ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo và báo cáo 6 tháng cuối năm trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo.

b) Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 31 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng đầu năm, trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng cuối năm.

c) Báo cáo gửi theo hình thức văn bản giấy có dấu và chữ ký của lãnh đạo tổ chức hoặc gửi văn bản điện tử có chữ ký điện tử.

Điều 19. Khen thưởng, kỷ luật

Các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Quy chế này được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn được phân công mà không thực hiện phối hợp theo nội dung Quy chế này hoặc lợi dụng chức vụ,

quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ cho hoạt động chung được chi từ ngân sách thành phố cấp cho hoạt động nghiệp vụ đặc thù của Sở Thông tin và Truyền thông và theo chế độ định mức quy định. Kinh phí phục vụ cho công tác xử lý từng vụ việc cụ thể được chi theo nguyên tắc đơn vị nào chủ trì xử lý vụ việc thì có trách nhiệm chi theo quy định.

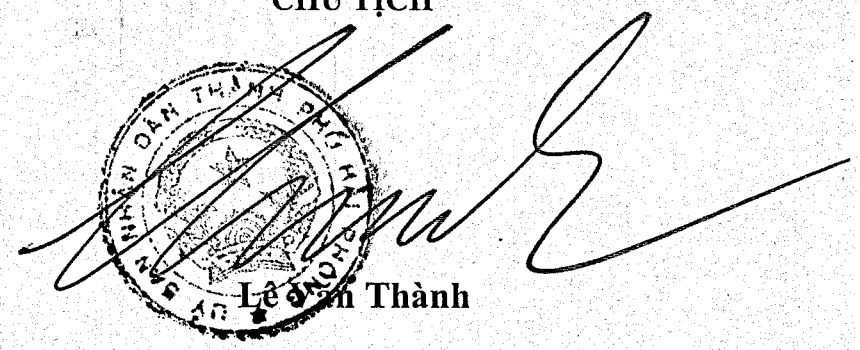
Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các đơn vị tham gia phối hợp cử cán bộ hoặc bộ phận có trách nhiệm thay mặt đơn vị làm đầu mối trong việc phối hợp, giao nhận tài liệu, tiếp nhận thông tin, kịp thời báo cáo lãnh đạo đơn vị trong việc phối hợp.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành